

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC

GIA HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẶNG THỊ MAI

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA JOHANN WOLFGANG VON GOETHE
VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

Ngành: Triết học

Mã số: 9229001

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội – 2023

Công trình được hoàn thành tại:
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. TRẦN HẢI MINH

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện
Họp tại:.....

Vào ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Johann Wolfgang von Goethe (1749-1832) là một nhà tư tưởng, nhà văn hóa vĩ đại người Đức, một trong số ít những người mà tên tuổi của ông đã được vinh dự đại diện cho nền học thuật và văn hóa nước Đức khi giao lưu với nước ngoài. Cho đến nay đã có rất nhiều Viện Goethe được mở cửa trên khắp thế giới. Với tư cách là một nhà khoa học, hầu như sáng tạo nào, Johann Wolfgang von Goethe cũng để lại dấu ấn nhân văn đậm nét. Sự nghiệp sôi nổi và thành tựu đồ sộ của ông đúc kết nhiều bài học nhân bản mang tính gợi mở suốt hai thế kỷ. Xuyên qua các lĩnh vực Goethe dần thân, đâu đâu ông cũng bàn về tồn tại người trong quan hệ đa tầng nhằm cắt nghĩa cái tôi cân bằng, tự do, hài hòa, tránh bạo lực. Ông kiên định quan niệm lấy tồn tại người làm trung tâm, động lực khám phá vũ trụ không do đáng sáng thế, và khám phá cái tôi qua lăng kính ý niệm (dầu nhuộm màu thần bí), gắn quyền và trách nhiệm cá nhân trong hoạt động sáng tạo. Thời nay, trí tuệ nhân tạo (AI) đột khởi gợi mở kỳ vọng giải quyết mọi thứ, vậy mà khủng hoảng khí hậu, xung đột lợi ích trầm trọng hơn. Trong bối cảnh như vậy, nhân bản Goethe hiện lên như phản tỉnh: đừng phá thiên nhiên để bảo toàn phẩm giá người, bóc trần bạo lực núp bóng bất cứ bào chữa nào, và không thể quy trách nhiệm cho ai ngoài mình.

Tìm hiểu triết học của ông – người được dùng tên để định danh một thời đại: *Thời đại Goethe*, vì thế, có ý nghĩa thời sự lý luận và thực tiễn, nhất là, ở Việt Nam hiện nay. Không ngẫu nhiên khi, những năm 1980, hai nhà xuất bản ở Mỹ và Đức, Princeton University Press và Suhrkamp Verlag, ra mắt tuyển tập 12 bộ tiếng Anh về Goethe tại Mỹ. Hơn 20 năm sau vẫn ở Mỹ, phát hành cuốn nữa dạng hợp tuyển. Theo Matthew Bell, biên tập *The Essential Goethe* (Goethe – Tuyển Chọn), tập hợp các công trình cốt yếu hơn 1000 trang xuất bản năm 2016, nhu cầu giải mã tư tưởng Goethe tiếp tục “gây chú ý thú vị cho rất nhiều dịch giả nổi tiếng”.

Các tài liệu chúng tôi tham khảo đều đề cập tư tưởng Goethe nhưng chưa làm rõ ông kiên định từ đầu tới cuối “quan tâm triết học theo nghĩa rộng mà không sa vào tranh luận hàn lâm về nhận thức luận hay đạo đức học vốn thông trị (diễn đàn triết học Đức) những năm đầu của chủ nghĩa duy tâm hậu Kant”. Chưa nhiều tài liệu chỉ ra cách ông sử dụng loạt phương tiện phi triết học để làm sáng tỏ niềm tin triết học của mình. Nổi bật trong số ấy có thể kể đến *Faust*, kịch thơ 12.111 câu, một *magnum opus* (kiệt tác) vĩ đại của lịch sử văn hóa Đức. *Faust*, hiện thân triết lý trung gian gây thao thức suốt nhiều thế kỷ, cho thấy “trong nhiều trường hợp, nó là mẹ sản sinh cảm xúc của ta”,; còn triết học, với tư cách “lịch sử tinh thần của thời đại” hay “thời đại được thể hiện dưới dạng tư tưởng”, in đậm không đâu khác ngoài *Faust*.

Các tài liệu cũng chưa cho thấy lập trường triết học phi cực đoan đưa Goethe xâm nhập ra sao các lĩnh vực. Quan niệm thế giới cấu bởi sự vật, ý niệm, và tồn tại người chẳng những không khiến ông chủ quan hơn mà còn giúp khám phá vấn đề mới mà các bộ óc thuần lý hoặc sùng bái thực nghiệm bỏ qua.

Có thể kể loạt phát hiện đậm dấu ấn chủ quan như lý thuyết màu sắc khác hẳn thuyết ánh sáng kinh nghiệm kinh điển của Isaac Newton (1643-1727); thuyết tăng trưởng bằng phạm trù *urpflanze* (cây khởi thủy); phát hiện quan hệ động vật và người từ xương quai hàm như bằng chứng sơ khai về tiến hóa, vượt qua quan điểm bất biến về loài chỉ phối thế giới quan đương thời.

Quan niệm khoa học gắn với vận mệnh cá nhân giúp Goethe củng cố luận điểm thế giới được nhận thức phải gồm cả tồn tại người. Từ đây, ông đặt nền móng cho các ý hướng mới như tư tưởng tiền khu về hiện tượng học, một nhánh của triết học hiện đại; tư tưởng về tính hoàn chỉnh của tri thức, nghiên cứu bản chất sự vật không phá vỡ sự vật; tư tưởng tự do không tách rời cá nhân hiểu biết sâu sắc tự nhiên trong quan hệ với tồn tại người; tư tưởng tôn trọng lợi ích đối lập, và tư tưởng liên quan Chỉ Số Phát Triển Người (HDI) mà Liên Hợp Quốc và Việt Nam sử dụng từ cuối những năm 1990.

Ở Việt Nam, Goethe chủ yếu được hiểu như nhà văn hóa, chính khách. Chưa nhiều tài liệu bàn về ông như triết gia, nếu thừa nhận “triết học là nghệ thuật sống” [3, tr. 47] và triết gia “hóa ra là bậc thầy ngụ ý trang” [3, tr. 110]. Trong một số công trình triết học [27, tr.265-270], triết lý của ông cũng ở mức phác thảo [34, tr.32-38]. Với các lý do trên, chúng tôi chọn ***Tư tưởng triết học của Johann Wolfgang von Goethe và ý nghĩa của nó đối với xã hội hiện đại*** làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Tìm hiểu tư tưởng triết học Goethe và ảnh hưởng của nó đến thời đại của ông, đến quá trình chuyển đổi, giải phóng xã hội, từ đó, chỉ ra ý nghĩa tham khảo của nó trong quá trình giải phóng tư duy, đổi mới sáng tạo, công nghiệp hóa & hiện đại hóa, và phát triển kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ

- Tổng quan và đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án;

- Phân tích cơ sở hình thành và quá trình phát triển triết học Goethe;
- Phân tích nội dung cơ bản của triết học Goethe;
- Làm rõ ý nghĩa của triết học Goethe đối với tư tưởng đương thời và phân nào với xã hội Việt Nam hiện nay..

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng

- Luận án nghiên cứu về tư tưởng triết học của Goethe và ý nghĩa của nó đối với xã hội hiện đại.

3.2. Phạm vi

- Luận án nghiên cứu tư tưởng triết học Goethe trong một số công trình tiêu biểu trên các lĩnh vực thi ca, văn học nghệ thuật, và khoa học tự nhiên (danh mục các công trình, xin xem Chương Tổng quan; nội dung tóm tắt, xem Phụ lục).

• Với đối tượng nghiên cứu là ý nghĩa tư tưởng triết học Goethe, nghiên cứu giới hạn ở (i) xã hội Đức thời đại Goethe và thời nay, và (ii) xã hội Việt Nam đương đại.

4. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Trong bối cảnh khoa học ngày càng tiếp cận các dạng tồn tại tư biện không thể sớm kiểm định bằng thực nghiệm, thực chứng, bằng các quy luật tự nhiên trực quan hoặc chuẩn tắc xã hội, triết học Goethe giúp gợi ý (i) khả năng kết hợp siêu hình học với khoa học và triết học khi xem siêu hình học có thể khiến tư duy tiến sâu, xa hơn thay vì dựa thuần bằng chứng; (ii) quan sát thế giới ngoại tại chưa đủ nếu nhìn từ thẩm mỹ học khi mỹ học buộc nhà nghiên cứu vượt qua tồn tại cảm tính để phản ánh tồn tại tổng quát vốn chỉ hiện thị trong tư biện; (iii) tồn tại cảm tính có thể nhìn, đọc, và sờ bằng giác quan nhưng siêu hình học và nghệ thuật cho thấy còn có dạng tồn tại cao hơn thế, và cây khởi thủy (*urpflanze*) là kết tinh sinh động cho tư tưởng táo bạo của ông.

5. Ý nghĩa của luận án

5.1. Ý nghĩa lý luận

Tư tưởng Goethe cho thấy tôn trọng vai trò tối hậu của vật chất phải gắn liền và đồng nghĩa tôn trọng phẩm giá cá nhân vô tư, bất vụ lợi. Giải phóng sức cá nhân, quyền tự do, bình đẳng là thước đo đầu tiên và cuối cùng của lập trường duy vật biện chứng. Mọi ý đồ dùng ý chí điều khiển lực lượng vật chất đều là biến dạng của trào lưu đi ngược tư tưởng biện chứng của chủ nghĩa duy vật Marx.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án được kỳ vọng dùng làm tài liệu (i) tham khảo cho các nhà nghiên cứu văn hóa và triết học phương tây và Đức nói riêng; (ii) phục vụ giảng dạy chuyên triết học và triết học phương tây; (iii) cũng như phục vụ tham khảo cho nghiên cứu triết học Goethe và triết học nhân văn nói chung.

6. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể như mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội, nhất là sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội, và các công trình nghiên cứu về lịch sử triết học có liên quan đến đề tài luận án.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận án vận dụng và phối hợp các phương pháp lịch sử-logic, phân tích-tổng hợp, so sánh, hệ thống hóa, trừu tượng-cụ thể hóa, văn bản học, và chủ giải học, v.v...

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần **Mở đầu**, **Tổng quan**, **Kết luận**, **Danh mục bài báo đã công bố**, **Danh mục tài liệu tham khảo**, luận án được chia thành bốn chương 13 tiết.

CHƯƠNG 1.

TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Tổng quan các nghiên cứu, như đã nói, sẽ dựa theo phân loại tác phẩm của Goethe về các lĩnh vực (i) thơ-kịch thơ, (ii) văn học-nghệ thuật, và (iii) khoa học tự nhiên - triết học tự nhiên. Tác phẩm được chọn, để khảo sát các nghiên cứu về chúng, căn cứ vào tiêu chí điển hình. Chẳng hạn, bài thơ *Rosebud in the Heather* (Nụ hồng trên Cây Thạch nam) chuyển tải quan điểm "nghệ thuật tính cách" và tâm lý chiều sâu [75, tr. XII]; nó còn phản ánh niềm tin *urphänomen* (hiện tượng khởi thủy) hiện hữu ở mọi nơi có tồn tại người; và khiến Goethe “trở thành một trong những người dẫn đầu trào lưu Bảo tấp và Xung kích” [59, tr.484]. Bài thơ cũng đánh dấu ảnh hưởng của Johann Gottfried Herder (1744-1803), nhà lý luận của trào lưu *Sturm und Drang* (Bảo tấp & Căng thẳng¹), đến tư tưởng lãng mạn đề cao cá nhân, phủ nhận lý tính của Goethe [67, tr.8]. Tương tự, *The Sorrows of Young Werther* (Nỗi buồn Chàng Werther), tiểu thuyết mẫu mực của *Bảo tấp & Căng thẳng*, là dấu hiệu đoạn tuyệt của Goethe với phong trào [67, tr.20], v.v...

Cụ thể, sẽ chỉ khảo sát các nghiên cứu về 22 điển hình: (i) **thơ và kịch** có *Rosebud in the Heather* (1771), *Kịch Götz von Berlichingen of Iron Hand* (1773), *Iphigenia in Tauris* (Nàng Iphigenia ở Tauris, 1787), *Egmont A Tragedy* (Egmont Bi kịch, 1788), *Torquato Tasso* (Thi sỹ Torquato Tasso, 1790), và *Faust A Tragedy* (Faust – Bi kịch, 1808 - 1832); (ii) **văn học và nghệ thuật** có *On German Architecture* (Về Kiến trúc Đức, 1770-1772), *Shakespear: A Tribute* (Shakespear: Kính Trọng, 1771), *The Sorrows of Young Werther* (Nỗi buồn Chàng Werther, 1774), *Italian Journey: Part One* (Hành trình Ý – Phần 1, 1786-188), *Wilhelm Meister's Apprenticeship* (Học nghề của Wilhelm Meister, 1795-1796), *Winckelmann and His Age* (Winckelmann và Thời đại của Ông, 1805), *On World Literature* (Về Văn học Thế giới, 1831); (iii) **khoa học và triết học tự nhiên** có *On Granite* (Về Đá Hoa cương, 1784), *A Sudy Based on Spinoza* (Nghiên cứu Dựa trên Spinoza, 1784), *The Metamorphosis of Plants* (Biến thái Thực vật, 1790), *Toward a General Comparative Theory* (Hướng đến Lý thuyết So sánh Tổng quát, 1790-1794), *The Theory of Color* (Lý thuyết Màu sắc, 1791-1807), *The Experiment as Mediator between Subject and Object* (Kinh nghiệm - Trung gian giữa Chủ thể và Khách thể, 1792), *Polarity* (Phân cực, 1799), *From On Morphology* (Từ Hình thái học, 1807-1817), *The Influence of Modern Philosophy* (Ảnh hưởng Triết học Hiện đại, 1817), và *Problems* (Các Vấn đề, 1823). Tóm tắt hoặc nguyên văn tác phẩm, xin xem Phụ Lục.

1.1. Tổng quan các nghiên cứu một số tác phẩm thơ và kịch thơ của Goethe**1.2. Tổng quan các nghiên cứu một số tác phẩm văn học và nghệ thuật của Goethe**

¹ Nhiều tài liệu Việt dịch thành “Bảo tấp và Xung kích”, chúng tôi thấy **cụm từ** này chưa sát **với bối cảnh**.

1.3. Tổng quan các nghiên cứu một số tác phẩm khoa học và triết học của Goethe

1.4. Nhận xét các nghiên cứu tác phẩm của Goethe và đề xuất hướng phát triển

1.4.1. Nhận xét các nghiên cứu các tác phẩm của Goethe

1.4.1.1. Nhận xét các vấn đề đã được đề cập trong các nghiên cứu

Về hình thức, nhiều nghiên cứu đánh giá cao Goethe trong khai thác nghệ thuật dân gian với các tiết tấu và cấu trúc đơn giản, đề cao “nghệ thuật tính cách” tô đậm cá nhân, xây dựng các nhân vật biến cải từ các cá nhân có thật trong lịch sử.

Về nội dung, các nghiên cứu đề cập đậm đặc các vấn đề trong tác phẩm của Goethe như tâm lý chiều sâu, khả năng bộc lộ nội tâm qua tự nhiên, tính hai mặt của cá nhân, tự do cá nhân, phát triển cá nhân gắn với hành động, cá nhân hướng đến nền văn hóa phi biên giới, khâu trung gian giữa các hiện tượng tự nhiên, và vấn đề cây khởi thủy, v.v...

Về triết học, các phân tích của Bell cho thấy, nhiều nhân vật trong các tác phẩm văn học của Goethe mang bóng dáng đậm đà của Spinoza như Egmont với tư tưởng ý chí tự do không đánh đổi bất cứ cái gì kể cả tính mạng, Iphigenia với tư tưởng không thể nhân danh bảo vệ phẩm giá để chà đạp phẩm giá, và thần thánh được quan niệm như hình ảnh phản chiếu tưởng tượng trong tâm trí loài người. Một số tiểu luận khác, Bell xem chúng như phản biện của Goethe với triết học Kant, về vai trò của khoa học trong thế giới hiện tượng, và về vai trò và quan hệ giữa đạo đức với nghệ thuật, v.v...

1.4.1.2. Nhận xét các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Các nghiên cứu chúng tôi khảo sát chưa làm rõ mấy vấn đề cơ bản sau đây:

Thứ nhất, chúng chưa cho thấy các sáng tác trong các lĩnh vực khác nhau của Goethe đều dựa trên tính nhất quán tư tưởng triết học trên hai phương diện:

Một là, thống nhất giữa tinh thần và vật chất: “Tôi chưa bao giờ tách rời hai lĩnh vực đó, và khi tôi triết lý về vạn vật theo cách của mình, tôi đã làm như vậy bằng ngôn ngữ thơ vô thức” [75, tr. 984].

Hai là, quan điểm của ông về siêu hình học và triết học tự nhiên cũng như quan hệ giữa chúng.

Thứ hai, các tài liệu chúng tôi tham khảo chưa làm rõ cách thức Goethe cải biến hai phương pháp nghiên cứu đối lập, thực chứng của khoa học và tư biện của tư duy, từ đấy, xác lập phương pháp mới xuyên qua thế giới hiện tượng, tìm hiểu bản chất của tự nhiên, nguồn gốc ban đầu của tồn tại và nghiên cứu tồn tại của sự vật như chỉnh thể.

Thứ ba, một số nghiên cứu chưa thấy “thái độ tổng quát trong xã hội” của Goethe khi nhận xét: “Thế giới quan của Götter là thế giới quan duy vật. Nhưng chủ nghĩa duy vật của Goethe chỉ dừng lại ở đây.

Thứ tư, các tài liệu tiếng Việt có đề cập song chưa chỉ ra tính nhất quán và kiên định tư tưởng ôn hòa, đảm bảo phát triển tự do cho tất cả, của Goethe. Bên cạnh đấy, chưa thấy tài liệu nào trong danh mục được chúng tôi tham khảo

bàn về khả năng áp dụng và kế thừa một số tư tưởng của Goethe vào hoàn cảnh Việt Nam ngày nay.

1.4.2. Đề xuất hướng phát triển

Thứ nhất, thông qua các sáng tác của Goethe, luận án sẽ chứng minh ý đồ triết học của ông qua hai tiếp cận: (i) quan điểm gắn hai lĩnh vực - tinh thần và vật chất – với nhau, không tách rời nhau, khi suy xét tự nhiên, xã hội, và tư duy; (ii) vận dụng siêu hình học vào triết học tự nhiên và quan hệ giữa chúng.

Thứ hai, làm rõ cách Goethe hướng tới nắm bản chất sự vật như chính thể, trên quan niệm thống nhất biện chứng của hai phương pháp - kinh nghiệm của khoa học tự nhiên và siêu hình của tư biện - điều ít nhà tư tưởng nào thời đó thực hiện. Luận án sẽ tìm hiểu cách ông triển khai các quá trình đối lập - tổng hợp và quy nạp cùng với phân tích và diễn dịch - như ông tuyên bố: “Suốt đời tôi, dù trong thơ ca hay nghiên cứu, tôi đều lần lượt vận dụng các tiếp cận tổng hợp và tiếp cận phân tích theo cách xen kẽ nhau - đối với tôi các tiếp cận này được xem như tâm thu và tâm trương của tâm trí người, như nhịp thở thứ hai, không bao giờ tách rời, luôn dao động qua lại”.

Thứ ba, chỉ ra “thái độ tổng quát trong xã hội” của ông, nhằm chứng minh ông hội đủ các điều kiện để được gọi là nhà triết học theo đúng nghĩa.

Thứ tư, làm rõ giá trị tư tưởng ôn hòa, tự do cho tất cả, không chỉ giới hạn ở khát vọng và hành động cá nhân của ông mà còn phản ánh xu hướng mang tính quy luật của lịch sử Đức. Các xu hướng này có thể gợi ý khả năng áp dụng và kế thừa một số tư tưởng của Goethe vào hoàn cảnh xã hội cũng như đời sống tinh thần ở Việt Nam ngày nay, nhất là tư tưởng phát triển hài hòa, đàn hồi, hạn chế xung đột xã hội, tàn phá thiên nhiên.

Cuối cùng, triển khai các hướng trên nhằm chứng minh chủ nghĩa nhân bản Goethe – hạt nhân triết học Goethe – là học thuyết tựa như chủ nghĩa tính cách. Trong triết học tính cách Goethe, cá nhân sục sôi nội tâm, tự do, và đàn hồi. Nó kêu gọi hành động, “khởi thủy là hành động”; nhưng “hành động” được cấu bởi tốt lẫn xấu, nhân ái và tàn độc, chứ không đơn thuần “hành động” thiện mà không ác.

CHƯƠNG 2

ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA GOETHE

2.1. Bối cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế, và xã hội ở Châu Âu và Đức

2.1.1. Bối cảnh lịch sử Châu Âu và Đức Thời đại Khai Sáng

2.1.1.1. Bối cảnh lịch sử Châu Âu Thời đại Khai Sáng

Khai Sáng là phong trào trí thức và triết học bao trùm Châu Âu thế kỷ 17-18, gây tác động toàn cầu. Nó bao gồm loạt ý tưởng thuần lý hướng tới hạnh phúc; chủ quyền lý tính, coi bằng chứng giác quan như nguồn cơ bản của tri thức; cổ võ lý tưởng tự do, tiến bộ, khoan dung, tình huynh đệ; chính phủ hợp hiến, và tách nhà thờ khỏi nhà nước. Phát tích từ Nhân văn Phục Hưng, nó tựa

như phiên bản nâng cấp, khó tránh khỏi xa rời hiện thực dù nó và phong trào khởi nguyên luôn giương cao ngọn cờ hiện thực.

2.1.1.2. Bối cảnh lịch sử Đức Thời đại Khai Sáng

Trong dòng chảy chung ấy, chế độ chuyên chế khai sáng của hoàng đế Joseph Đệ Nhị (1741-1790) của Đế quốc La Mã Thần thánh, Đế quốc La Mã-Đức, được tóm tắt trong châm ngôn: "Mọi thứ đều vì dân, không thứ gì do dân" [135 2015]. Cam kết cải cách thể tục hóa, tự do, và hiện đại hóa của ông theo tinh thần Khai Sáng, sử liệu cho thấy, thấy đều thất bại. Dầu thế, thất bại ở Đức không dẫn đến cảnh đầu rơi máu chảy như ở Cách Mạng Pháp bởi nó kịp rút kinh nghiệm: cự tuyệt bạo lực. Nó tiếp thu Khai Sáng ở khía cạnh cải cách xã hội, cải cách tư tưởng theo hướng ôn hòa.

Khuynh hướng với hai đặc trưng cơ bản – nói không với bạo lực chính trị và thúc đẩy xã hội theo cách đàn hồi - tạo nên cái gọi là Chủ nghĩa Chuyên chế Khai Sáng Đức. Các sử gia chọn tiêu luận nhan đề "Chủ nghĩa Chuyên quyền Nhân từ" của Frederick Đại Đế (1712-1786), cai trị Phổ từ năm 1740 đến năm 1786, làm dấu mốc của khuynh hướng mới. Nghe nói tiêu luận liên quan đến triết gia Khai Sáng Pháp Voltaire (1694-1778). Khi hết được yêu thích ở quê nhà, bị triều đình Pháp bắt giam và ngược đãi, ông háo hức nhận lời mời của Frederick đến cung điện. Được Voltaire khai sáng, Frederick tin chế độ quân chủ khai sáng là nẻo duy nhất để xã hội tiến hóa. Với ông: "Nghề nghiệp chính của ta là chống ngu dốt và thành kiến ... để khai sáng trí óc, trau dồi đạo đức, và khiến nhân dân hạnh phúc như những gì phù hợp với bản chất người, và như các phương tiện mà ta cho phép" [130, tr.341]. Đam mê Khai Sáng, với lý tưởng cốt lõi phát tích từ Nhân văn Phục Hưng (mọi tích cực dường như đều có vẻ thái quá), ông tiến tới chế nhạo văn hóa Đức và không để ý gì các tiến bộ mà đất nước đang trải qua.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội nước Đức

2.1.2.1. Điều kiện kinh tế

Đức đến năm 1800 hầu như không có gì thích hợp với bất cứ kiểu phát triển công nghiệp quy mô nào. Nguyên nhân sâu xa nằm ở tiến độ cải cách chính trị và đặc điểm văn hóa, tôn giáo ở Đức. Chịu ảnh hưởng ghê gớm của hiện đại hóa Pháp sau Cách mạng Pháp, rộng hơn là tư tưởng Khai Sáng trong chính trị, từ 1790 đến 1815, tại Đức cũng có cải cách, trong đó có cải cách hiến pháp, theo kiểu vừa tiến vừa thoái. Theo lý tưởng Khai Sáng, hiến pháp hạn chế quyền lực phong kiến. Chẳng hạn, hiến pháp kiểm soát lãnh chúa khi mua bán công thổ. Mặt khác, ngay cả các nhà chuyên chế khai sáng cấp tiến nhất cũng không dám nói lỏng quyền tự do dân chủ cho bình dân. Kết cục, hiến pháp không quên các điều khoản hạn chế quyền phùng hội của thợ thủ công và nhà buôn tại các thành phố, lực lượng mạnh mẽ của giai cấp tư sản. Tầm nhìn này liên quan đến giảm cơ hội để Đức đẩy nhanh tiến trình tư bản hóa.

Tuy thế, hạn chế cả hai lực lượng kinh tế, địa chủ phong kiến và thương gia mới nổi, có vẻ hợp lý. Bài học cải cách triệt để theo Khai Sáng ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và, nhất là, Đan Mạch cho thấy không thể vội vã, ảo tưởng: lực lượng cải cách có thể bị lật đổ do thế lực cũ còn quá mạnh, tiền đề vật chất còn mong manh. Chưa kể cải

cách cấp tiến theo đúng Khai Sáng có thể đẻ ra kiểu độc tài mới tàn bạo hơn chuyên chế trung cổ: chính quyền đầu tiên của Cách mạng Pháp là ví dụ. Liên bang Đức đã nhay bén né cực đoan, tránh *utopia* (không tưởng). Cải cách hiến pháp vừa phải giúp đất nước kiểm soát tốt hơn nguy cơ lũng đoạn, độc quyền trong buôn bán. Từ đó, chính phủ ban hành luật mới, khai thông thương mại tự do và công bằng hơn.

Nhìn chung, tránh xa cấp tiến, biến bất lợi kinh tế thành điểm mạnh hiện thực, những năm cuối đời, Goethe chứng kiến quê hương thực hiện cải cách nông nghiệp, điều mà các nước nhiệt tình Khai Sáng xem thường. Phổ, Saxony, và nhiều bang khác tổ chức sản xuất củ cải đường, củ cải, và khoai tây rất cần cho các nước tư bản láng giềng. Đây cũng là bước chuẩn bị dịch chuyển dần lực lượng lao động từ nông thôn ra thành thị, phát triển công nghiệp bài bản và thận trọng hơn, hiện thực hơn [160, tr.401-427].

Tóm lại, Đức đi nhanh hơn các nước Khai Sáng cấp tiến sau chưa đầy thế kỷ kể từ Cách mạng Pháp. Cực tuyệt bạo lực, họ không nằm trong nhóm thực dân tiên phong Pháp, Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha, hay Bồ Đào Nha, gây nên chế độ thuộc địa tàn bạo. Đến giữa thế kỷ 19 và đầu 1900, họ sánh ngang Anh và Mỹ. Hiện họ là nền kinh tế lớn thứ năm xét trên sức mua tương đương (PPP) [169], thứ tư thế giới tổng sản phẩm quốc nội (GDP) quy ước [73], và lớn nhất trong Liên minh Châu Âu 27 nước thành viên [135].

2.1.2.2. Điều kiện xã hội

Kinh tế Đức chuyển đổi từ từ và bút phá vững chắc, phần không nhỏ, có lẽ nhờ cấu trúc xã hội tương đối ổn định và cởi mở hơn nhiều nước Khai Sáng cấp tiến cùng thời. Như nêu qua ở trên, xã hội Đức cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19 lấy nông nghiệp làm chủ đạo và nông dân chiếm số đông. Tuy thế, chính quyền trung ương vẫn dần từ bỏ tư tưởng coi vua như thiên tử. Xu thế ấy khiến mức độ tự do nhất định lan tỏa đến các bộ phận sản xuất của cải cho xã hội. Tại làng quê, nông dân tổ chức hội đoàn của mình. Họ là thành viên của các tổ hợp tác, mô hình giúp quản lý nguồn lực và giám sát đời sống cộng đồng. Quyền tự do đương nhiên không phải chỗ nào và lúc nào cũng như nhau. Trên toàn lãnh thổ, đặc biệt là mạn đông, nông dân vẫn phụ thuộc đất đai. Họ sinh sống và tồn tại dưới hình thức nông nô mà cuộc sống gắn bó vĩnh viễn với mảnh đất nhất định [170].

Đặc điểm nữa, và đây có lẽ là khác biệt khiến Đức không thể làm cách mạng kiểu Pháp, là mạng lưới sâu rộng nhà thờ. Bên cạnh chúa đất, còn có lực lượng hùng hậu tu viện. Tu viện ở Bavaria kiểm soát 56% đất đai và, đến 1803, chúng mới bị cưỡng chế bán lại cho triều đình theo tư tưởng Khai Sáng [137, tr.59]. Hầu hết sinh hoạt cộng đồng ở làng xã đều xoay quanh tôn giáo. Thánh lễ thường xuyên khiến dân tộc Đức giảm phần nào tác động của trào lưu lý tính lạnh lùng, thậm chí tàn nhẫn. Cũng tôn giáo góp phần khiến quốc gia chưa thể sản xuất của cải vật chất khổng lồ, chưa bị lý tính Khai Sáng bóp nghẹt, trở thành nơi ươm mầm cho các tư tưởng nghệ thuật, triết học, và khoa học nhân văn, trong đó có Goethe, phát triển rực rỡ, vượt xa nhiều nước tư bản đương thời.

Cũng do khả năng hãm phanh của tôn giáo kiềm chế sức sản xuất, mặt tích cực của nó là đạo đức Tin Lành vốn khởi phát từ Đức, giải phóng nông nô diễn ra không quá vội, đồng nghĩa giảm đổ máu.

Tóm lại, biện chứng của lịch sử Đức là tiệm tiến, vừa làm vừa thăm dò, không ngược dòng và cũng không vội vàng. Từ sau 1815, nhiều bang ở Đức bắt chước cải cách của Phổ khiến phân hóa lao động không chạy quá đà, vì thế, phần nào tránh cảnh mâu thuẫn giai cấp sâu sắc như ở Pháp. Đối lập với bạo lực, có nguồn gốc sâu xa từ *utopia*, nước Đức ở thời đại Goethe đã giải quyết hòa bình mâu thuẫn xã hội. Dù cần thêm nhiều dữ kiện và đánh giá sâu rộng hơn, có thể tạm thấy, kết luận chúng tôi rút ra dường như hơi khác nhận định cho rằng giai cấp tư sản Đức nhu nhược không dám làm cách mạng triệt để như Cách mạng Pháp. Đặc thù kinh tế xã hội đã quy định văn hóa Đức, quy định tư tưởng ôn hòa trong xã hội Đức ở thời Goethe và bản thân ông.

2.1.3. Ảnh hưởng điều kiện lịch sử, kinh tế - xã hội đến tư tưởng triết học Goethe

Như vừa chỉ ra ở trên, nổi bật và xuyên suốt bức tranh xã hội Đức, trong bối cảnh Châu Âu Khai Sáng, có lẽ là tư tưởng ôn hòa, đề cao kỹ trị, tự do cho tất cả và, nhất là, cổ súy trung dung, tránh xa bạo lực. Dòng chủ lưu ấy đã đặt dấu ấn đậm nét lên Goethe. Ảnh hưởng của điều kiện lịch sử, kinh tế - xã hội đến Goethe ở mấy khía cạnh sau:

2.1.3.1. Ảnh hưởng đến tư tưởng ôn hòa, tự do trong hoạt động thực tiễn

2.1.3.2. Ảnh hưởng đến tư tưởng ôn hòa, tự do trong sáng tác văn học

2.2. Tiền đề tư tưởng khoa học và tư tưởng triết học

2.2.1. Tiền đề tư tưởng khoa học

2.2.1.1. Đặc điểm của tư tưởng khoa học ở thời đại Goethe

Đến thời của Goethe, xuất hiện ngày càng nhiều tầng lớp khoa học gia chuyên nghiệp, đồng nghĩa với sự lên ngôi của khoa học thực nghiệm, lên ngôi tất yếu của cá nhân nhà nghiên cứu. Thời của ông báo hiệu hoàng hôn của kỷ nguyên vàng son, kỷ nguyên của các nhà bách khoa thư, lấy chủ nghĩa kinh nghiệm như phương thức chính để hiểu biết tự nhiên. Thực nghiệm lên ngôi buộc khoa học tự nhiên phân thành hai nhánh đối lập về phương pháp: *naturlehre* (khoa học tự nhiên) và *naturgeschichte* (lịch sử tự nhiên). Cạnh tranh giữa hai nhánh này thực chất là cạnh tranh về phương pháp luận, điều kỷ nguyên vàng son lãng quên do quá mải mê khám phá các quy luật tất định mà quên khám phá chính mình.

2.2.1.2. Đặc điểm của các nhà khoa học ảnh hưởng đến Goethe

Goethe nổi lên như điểm sáng trong bối cảnh mới, lúc diễn ra tranh luận gay gắt giữa hai trường phái tư duy, Linnaeus và Darwin. Đúng ra, ông bị cuốn hút bởi “phong cách tiếp cận thiên nhiên của Rousseau” [101, tr.31]. Ông còn chú ý đến những ai đấu tranh cho cái tôi khoa học, trong đó có hai đại thụ Buffon và Diderot.

2.2.1.3. Ảnh hưởng của tư tưởng khoa học đến tư tưởng của Goethe

Thế giới ông bước tới là thế giới mang dấu ấn cá nhân thay vì làm nô lệ cho lý tính. Hiếm nhà khoa học nào của kỷ nguyên vàng son quan hệ rộng khắp như ông: “làm bạn với các thợ mỏ, thợ săn, kiếm lâm, quý tộc, nhà thơ, và trí thức” [101, tr.31]. Họ là những người giúp ông nhìn thấy “thị hiếu, tri thức, khoa học, và thi ca đều hợp nhất với nhau về phương diện xã hội theo cách vui vẻ và thoải mái” [101, tr.31]. Con đường ấy của ông chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi ba nhà khoa học Pháp Buffon, Rousseau, và Diderot.

Dù hoạt động trong bối cảnh địa chất học và sinh vật học, hai ngành khoa học quan trọng nhất chưa xuất hiện nửa đầu thế kỷ 19, Buffon vẫn ảnh hưởng đến Goethe, chủ yếu về văn phong diễn ngôn khoa học bằng văn học và nghệ thuật. Trong thư gửi nhà phê bình văn học kiêm nhà khoa học nghiệp dư Johann Merck (1741-1791), Goethe thừa nhận ông học hỏi rất nhiều Buffon từ *Epochs of Nature*. Ông cho hay nó “hoàn toàn ấn tượng” và “tôi không thể chịu được” khi ai đó nói sách của Buffon là tiểu thuyết thay vì công trình khoa học. “Không ai có thể nói xấu điều cụ thể nào về ông đối với tôi, trừ chính ông, người có thể sáng tạo cái toàn thể vĩ đại hơn và hoàn thiện hơn” [126, tr. 67].

Goethe cũng chịu ảnh hưởng từ Rousseau, người qua đời 11 năm trước khi Cách mạng Tư sản 1784-1794 nổ ra trên quê hương Pháp. Trong hai cuốn *Diễn Ngôn*, Rousseau lên án xã hội suy đồi với tiến bộ khoa học và nghệ thuật do chính loài người dựng lên. Ông vạch ranh giới bất dung hòa giữa khoa học với nhân học. Khai Sáng lợi dụng tư tưởng Rousseau để công phá Trung Cổ nhưng cũng không ưa Rousseau khi ông lên án thói đạo đức giả mang tên văn minh, được hiểu như con đẻ của vàng son.

2.2.2. Tiền đề tư tưởng triết học

2.2.2.1. Giai đoạn từ thời Hy Lạp cổ đại đến trước thời Khai Sáng

Bước tiến vượt bậc của khoa học tự nhiên và nghiên cứu lịch sử tự nhiên khiến ngôi vị lý tính và trù tượng thời Phục Hưng và Khai Sáng vững như bàn thạch. Suốt kỷ nguyên vàng son, tuy thế, “cảm nhận về tính sáng tạo sống động trong tự nhiên chẳng trưởng thành gì”. Sùng bái lý tính vô thần, theo Rudolf Steiner, bắt nguồn không ở đâu khác ngoài Hy Lạp, khi các nhà tư tưởng thời vàng son tìm cách phủ định Trung Cổ.

2.2.2.2. Giai đoạn Khai Sáng

Khai Sáng tiếp nối gần như nguyên vẹn Phục Hưng dù nó được định nghĩa như phong trào tri thức và triết học thống trị thế giới tư tưởng ở Châu Âu suốt thế kỷ 17-18 [119]. Bất chấp tiến bộ thời vàng son, người ta vẫn đặt câu hỏi cơ bản: liệu có phải chỉ sự vật riêng lẻ trong không gian và thời gian mới là đối tượng của triết học không; có phải chỉ tri giác mới thực tồn không; cảm giác đau đớn có đúng chỉ nảy sinh từ các ý niệm bắt nguồn từ tri giác; có phải ý niệm bắt nguồn từ tri giác luôn sản sinh ham muốn và đam mê và biến người ta thành nô lệ cho chúng [157, tr. 28-29].

Nói riêng ở Đức, lý tính thời vàng son, khoét sâu mẫu thuẫn xã hội, không thể không liên quan tới chiến tranh 30 năm [27, tr.247-255]. Nhưng khác

biệt về điều kiện kinh tế xã hội so với phần còn lại của Châu Âu đã quy định khác biệt về tiến trình tư tưởng ở nước này. Suốt quá trình khắc phục chậm chạp và đầy mâu thuẫn hệ quả khủng khiếp của chiến tranh, Khai Sáng Đức tìm thấy tiếng nói khá đồng nhất trong giới trí thức. Một mặt, các nhà tư tưởng Đức đồng tình xu thế vô thân, thành quả nổi bật của thời vàng son. Họ xây dựng các khái niệm cụ thể có hệ thống và logic trong mọi lĩnh vực của hiện thực, xa lánh giáo hội quan phương. Họ cổ súy Kiên Tín, trào lưu cải cách đạo đức giáo hội và đề cao lương tâm cá nhân. Mặt khác, họ hầu như nhất trí không để mình cuốn theo các biện pháp bạo lực đầy rẫy thời Phục Hưng, hoặc lật đổ giai cấp như Khai Sáng Pháp. Khuynh hướng nhất quán này tác động sâu sắc đến Goethe. Ca ngợi tư tưởng Khai Sáng bao nhiêu, ông phê phán xu thế bạo lực mà nó khuyến khích xã hội bấy nhiêu.

Nói thêm khác biệt của Khai Sáng Đức, giới trí thức gia tăng tâm trạng hoài nghi tôn giáo và kêu gọi tinh thần duy vật nhưng kiên định bất bạo động. Có thể kể đến sự kiện luật sư kiêm triết gia Christian Thomasius (1655-1728) khởi xướng cải cách triết học cũng như dùng chữ Đức thay chữ Latin trong các bài luận. Để hiện thực hóa sáng kiến, ông viết sách về quy luật tự nhiên và cho xuất bản nguyệt san ca tụng Phong trào Kiên Tín (Pietistic Lutheranism). Ông chế nhạo thói thông thái rơm của kẻ có học, thể hiện trong loạt bài trên nguyệt san. Khai Sáng thậm chí đưa lý tính ở Đức lên các nấc thang chưa từng có. Christian Wolff (1679-1754) coi duy lý là phương tiện cơ bản để tiến hóa; rồi Gotthold Lessing (1729-1781) xem triết học và thi ca không thể dung hòa nhau, v.v... Dù thế, dù tiếp tục bị cuốn theo dòng thác lý tính, vẫn không ai hoảng hốt bạo lực, như thể hiện ở ba gương mặt dưới đây được cho tác động mạnh đến Goethe.

Thứ nhất, Immanuel Kant (1724-1804)

Thứ hai, Johann Christoph Friedrich von Schiller (1759-1805)

Thứ ba, Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770-1831)

2.2.2.3. Ảnh hưởng của tư tưởng triết học đến tư tưởng của Goethe

Thứ nhất, giai đoạn từ thời Hy Lạp cổ đại đến trước thời Khai Sáng

Các nhà triết học Hy Lạp cổ đại đã đặt viên gạch đầu tiên về các khái niệm mang tính khái quát cao, đặc trưng hàng đầu của triết học, như tồn tại, ý niệm, tư duy, sự vật cảm tính. Goethe được gọi là triết gia phần không nhỏ bởi ông quan tâm các phạm trù đậm dấu ấn Hy Lạp. Sẽ không thể hiểu triết học Goethe, vì thế, nếu không trở lại cội nguồn Hy Lạp, không bắt đầu từ Parmenides, người đầu tiên nêu câu hỏi về quan hệ giữa hai loại tri thức, đến từ tư duy thuần túy và từ cảm nhận trực tiếp bằng giác quan. Việc Parmenides đề cao lý tính, dù thái quá, gây hào hứng cho nhiều thế hệ, kể cả thế hệ Goethe, sùng bái khoa học, lấy thực nghiệm làm thước đo. Parmenides đã đánh thức không chỉ Goethe rằng loài người khác biệt căn bản mọi loài sinh vật ở tư duy, chứ không phải quan sát dù không thể thiếu nó. Bởi thế, sẽ không thể cắt nghĩa vì sao Goethe bị cuốn vào trò chơi tư duy qua khám phá tồn tại người nếu

không trở về cội nguồn Hy Lạp, nếu không nhận ra siêu hình học của Plato định hình cho cả văn hóa Châu Âu.

Nhờ tư duy khái niệm do Plato khởi xướng, nhiều triết gia, trong đó có Goethe, mới phát hiện các quy luật mới. Chẳng hạn, đi tìm tính phân cực của thế giới, Goethe thấy các hiện tượng có tính “yên tĩnh” - đúng ra là các phạm trù bất biến, các sản phẩm thuần tư biện - như hút và đẩy, giãn nở và co rút. Khảo sát quy luật tăng trưởng của vạn vật, siêu hình học Plato giúp ông gạt bỏ biểu hiện nhất thời của các cảm tính để vừa thấy trạng thái cân bằng giữa *das höchste und tieste* (cao nhất và thấp nhất) của đá granite, vừa thấy xu thế thực vật tiến hóa từ hạt cho đến hoa, và hướng về mặt trời.

Thứ hai, giai đoạn Khai Sáng

Chúng tôi tạm để giai đoạn Khai Sáng bao trùm cả giai đoạn Nhân văn Phục Hưng, nhằm làm rõ tiến trình tư tưởng Goethe, chứ không có ý đồ phân chia lại lịch sử. Với ý nghĩa ấy, như đã đề cập, Khai Sáng vẫn được hiểu gồm loạt ý tưởng theo đuổi hạnh phúc, chủ quyền lý tính, bằng chứng của các giác quan như nguồn tri thức cơ bản, và các lý tưởng tiên tiến như tự do, tiến bộ, khoan dung, tình huynh đệ, chính phủ hợp hiến, cũng như tách biệt Nhà Thờ với nhà nước. Nhân vật đầu tiên không thể bỏ qua ở bình minh Khai Sáng là nhà duy vật Bacon. (Theo phân loại truyền thống, ông thuộc về Thời đại Phục Hưng). Ý thức và hiểu biết của Bacon về cái riêng trong giới tự nhiên, theo Steiner, gây trở ngại cho Goethe. Nếu Plato thời Hy Lạp cổ đại phớt lờ vẻ ngoài của sự vật, Bacon thời mới đề cao và coi chúng là suối nguồn chân lý. Vậy mà cách Bacon thu thập, lựa chọn cái riêng rồi đi đến khái quát cho toàn vũ trụ không thuyết phục Goethe.

Thứ ba, giai đoạn Khai Sáng ở Đức

Phân tích nội dung và ý nghĩa triết học Goethe ở các chương sau sẽ tiếp tục đề cập tác động của các trào lưu triết học đến ông. Còn ở tiểu mục nhỏ này, chúng tôi chỉ đề cập ảnh hưởng của ba triết gia cùng quê hương và cùng thời đại ông như vừa phác thảo ở tiểu mục nhỏ trước đó: Kant, Schiller, và Hegel. Họ tác động đến Goethe theo các cách khác nhau và ông tiếp thu không ít từ họ. Chẳng hạn, với tinh thần Khai Sáng của Kant, Goethe gần như cổ suy lý tưởng giải phóng cá nhân và chỉ khác có lẽ ở phương pháp. Với Schiller, ông suy ngẫm nhiều về số phận người bị dấn trong ám ảnh các antimonial (nghịch lý) về tồn tại người khi Schiller phát triển chủ nghĩa duy luân lý. Với Hegel, ông ủng hộ tư tưởng biện chứng và tổng hợp biện chứng nhưng phản đối Hegel hệ thống hóa các phạm trù tư biện, khiến phép biện chứng thành nguy biện.

2.3. Quá trình phát triển tư tưởng triết học của Goethe

Quá trình phát triển triết học của Goethe không rõ ràng vì hầu như toàn bộ tư tưởng ẩn trong dòng chảy văn chương của ông. Mãi đến những năm cuối đời, ông mới viết vài tiểu luận về triết học và chúng được xem như tổng kết toàn bộ tiến trình. Có thể nói, văn chương ông phát triển tới đâu, triết học của ông sinh sôi tới đó. Tiếp cận như vậy, chúng tôi mạnh dạn cho rằng triết học Goethe hình thành từ các bài thơ đầu tiên chịu ảnh hưởng của Herder như đã điểm ở Tổng

quan. Tư tưởng của ông, vì thế, định hình từ rất sớm như thể hiện phần nào ở tiểu sử của ông (xem Phụ lục). Tư tưởng ấy thay đổi không bao nhiêu suốt cuộc đời nếu gác qua hình thức và ngôn ngữ biểu hiện. Nó thể hiện qua hai nội dung:

2.3.1. Quá trình phát triển thế giới quan triết học của Goethe

2.3.2. Quá trình phát triển nhân sinh quan triết học Goethe

Tiểu kết Chương 2

Bối cảnh lịch sử quy định đặc thù khoa học và triết học Châu Âu cũng như Đức và, đến lượt chúng, tác động đến Goethe. Thời của ông chứng kiến nhiều tầng lớp khoa học gia chuyên nghiệp, những người dị ứng với khuynh hướng lý tính, chính phục thiên nhiên bằng thuần lý, và cái gì cũng biết. Khoa học thực nghiệm lên ngôi, thay thế chủ nghĩa kinh nghiệm như phương thức chính để hiểu tự nhiên, dẫn tới lên ngôi vai trò cá nhân nhà thực nghiệm. Vấn đề ở chỗ tâm lý cá nhân không chỉ chi phối khoa học tự nhiên qua không chế vị thể thực nghiệm mà chi phối cả lịch sử tự nhiên. Nổi bật trong trào lưu mới có thể kể đến Buffon và Rousseau, những người ảnh hưởng Goethe về cá tính hóa ngôn ngữ khoa học, cá nhân hóa tri thức và, nhất là, cảnh giác với lý tính lạnh lùng.

Nhìn chung, Châu Âu suốt thời Phục Hưng và Khai Sáng chịu chi phối nặng nề của triết học lý tính có nguồn gốc từ Hy Lạp cổ đại, nhất là thuyết ý niệm Plato, vươn tới đỉnh cao duy tâm của Kant, Schiller, rồi Hegel. Phục Hưng rồi Khai Sáng ra đời không thoát khỏi bối cảnh lý tính chiếm thượng phong, làm sâu sắc thêm phân cực quá trình duy tâm và duy vật. Xu thế cực đoan dai dẳng khiến Goethe không khỏi đặt câu hỏi rồi đưa ra trả lời cho kỷ nguyên mới trên cơ sở gợi ý của Diderot, Rousseau, rồi chính Kant và cả Schiller. Kỷ nguyên lấy cá nhân làm trung tâm sớm muộn cũng xuất hiện. Lịch sử luôn là dòng chảy cho sáng tạo cá nhân sau hàng trăm năm tự tin thái quá, phá xiềng xích Trung Cổ, thúc đẩy khoa học và sản xuất như vũ bão mà quên mục tiêu cuối cùng: sản xuất vì ai, khoa học để làm gì. Lịch sử tự nó thải loại những gì lặp lại, bất chước. Goethe nằm trong số ít trưởng thành từ quá trình sàng lọc khắt khe nhưng tràn đầy nhân tính.

CHƯƠNG 3

NỘI DUNG CHÍNH TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA GOETHE

3.1. Bản chất, đối tượng, nhiệm vụ, và đặc trưng của triết học Goethe

3.1.1. Bản chất của triết học Goethe

Bản chất của triết học theo nghĩa rộng, trong quan niệm của Goethe, có thể hiểu là tổng thể tri thức bao trùm hiệu lĩnh vực; theo nghĩa hẹp, nó là siêu hình học như nền tảng hệ thống thế giới quan của ông. Xem triết học Goethe như siêu hình học là bởi, trong mọi lĩnh vực quan tâm, ông không giấu tham vọng truy tìm các vấn đề liên quan đến tồn tại nói chung, đối tượng nghiên cứu chính của siêu hình học. Ông không chỉ truy tìm ý nghĩa của tồn tại, khảo sát các vấn đề tồn tại nằm trên sự vật tồn tại mà, từ đó, quay trở lại tìm cách nắm

bắt sự vật gộp thành chỉnh thể. Thay vì dựa trên quan sát thuần túy, chỉnh thể được Goethe tìm kiếm và gia công bằng tư biện. *Urpflanze* (cây khởi thủy) là sáng tạo siêu hình nổi tiếng mà, đến đầu thế kỷ 21, sinh học phân tử mới tiến hành chứng minh bằng thực nghiệm và ứng dụng nó để tìm mô hình tổng quát của nhiều vấn đề khác ngoài phạm vi sinh vật học. Bởi vậy, quan niệm của Goethe về bản chất triết học có vẻ tiếp tục dòng chảy phổ biến trong lịch sử triết học kể từ thời Hy Lạp cổ đại vốn coi triết học như tổng thể tri thức về thượng đế, tự nhiên, và người.

3.1.2. Đối tượng của triết học Goethe

Nếu bản chất của triết học Goethe theo nghĩa rộng là tổng thể tri thức, đối tượng triết học của ông có lẽ không đi chệch trào lưu thời bấy giờ: siêu hình học, lĩnh vực bị bài trừ tuyệt đối dưới thời Phục Hưng và Khai Sáng. Hơn nữa, đối tượng triết học của ông vẫn không thoát khỏi ba phạm trù truyền thống thượng đế, giới tự nhiên, và người. Và chính chúng cũng cấu thành bản chất triết học Goethe theo nghĩa hẹp như nêu trên.

3.1.3. Nhiệm vụ của triết học Goethe

Từ quan niệm về bản chất và đối tượng triết học, Goethe dường như coi nhiệm vụ triết học là thực hiện cuộc đại điều chỉnh cách nhìn nhận và ứng xử với thế giới, sao cho thoát khỏi các trào lưu đương thời, sùng bái các cực đoan. Theo hướng như vậy, nhiệm vụ tổng thể gồm (i) tái xây dựng các nguyên lý phương pháp luận trên cơ sở gần kinh nghiệm với tư biện; (ii) nâng cao địa vị cá nhân để sống hài hòa với tự nhiên; (iii) đặt cá nhân đạt tự do, phi bạo lực, vào trung tâm thế giới được nhận thức.

3.1.4. Đặc trưng của triết học Goethe

Dù có thể trùng nhiều nhà triết học trong quan niệm về bản chất (tri thức bách khoa của mọi khoa học, siêu hình học) và đối tượng (thượng đế, tự nhiên, và người), triết học Goethe vẫn có khác biệt, thể hiện trên ba đặc trưng: (i) tư tưởng triết học nảy sinh từ các lĩnh vực ngoài triết học, nhiều trường hợp, đi trước tư tưởng chính thống; (ii) hoàn thiện quan niệm triết học trên cơ sở trải nghiệm các lĩnh vực ngoài triết học; (iii) chứng minh tri thức dù khác nhau, cuối cùng, vẫn hội tụ về một điểm: tính nhân loại - nền tảng thế giới quan cho mỗi cá nhân có thể tìm tự do trong quan hệ ràng buộc hài hòa.

3.1.4.1. Triết học và trải nghiệm ngoài triết học

3.1.4.2. Tri thức và tính nhân loại

3.2. Bản thể luận của triết học Goethe

3.2.1. Quan niệm về thượng đế

Goethe đồng tình với Spinoza trong quan niệm về thượng đế và xem ông như nhà vô thần. Trao đổi với Jacobi, ông viết: “Tôi gắn bó với lòng tôn kính dành cho thượng đế của nhà vô thần (Spinoza)”. Ông coi thượng đế như tự nhiên và tự nhiên như hiện thân của thượng đế; thượng đế như diễn đạt khác của cái vô hạn. Tuy nhiên, khảo sát của ông về vô hạn khác với Spinoza. Theo ông, cái vô hạn là quá trình tri giác vô hạn cái tồn tại và cái toàn bộ, hai thực

thể như nhau về bản thể luận: “Khái niệm về tồn tại và cái toàn bộ là một và như nhau; khi theo đuổi khái niệm xa tít tắp, chúng ta nói rằng chúng ta đang quan niệm về cái vô hạn”.

3.2.2. Quan niệm về tự nhiên

3.2.2.1. Tồn tại của sự vật

Tự nhiên, theo Goethe, là hiện thân của những cái hữu hạn. Phù hợp với quan niệm của Spinoza, Goethe coi hữu hạn nằm trong vô hạn. Tuy nhiên, như nêu ở trên, không vì thế hữu hạn tham gia cấu thành vô hạn. Hơn nữa, ông không xem vô hạn, *natura naturans*, như tồn tại có trước và quyết định hữu hạn, *natura naturata*, như tồn tại có sau. Vô hạn và hữu hạn đồng thời tồn tại. Tự nhiên gồm cả hai.

Sự vật trong tự nhiên chỉ có thể tồn tại trên cơ sở tồn tại của sự vật khác và, ngược lại, tồn tại của sự vật nằm trong liên hệ lệ thuộc nhau bởi, về bản chất, chúng đều tham gia vô hạn: “Vì vậy, có vẻ như sự vật được thành tạo bởi sự vật khác”.

3.2.2.2. Tương tác các sự vật và vận động

Vậy sự vật đứng yên hay vận động? Nếu có, làm thế nào nó vận động khi không có cú hích của thượng đế? Theo Goethe, sự vật luôn vận động và nguồn gốc vận động nằm ở liên hệ, tương tác giữa nó với sự vật khác. Tương tác tất yếu bởi mọi hữu hạn đều tham gia vô hạn, khiến không hữu hạn nào có thể biệt lập với các hữu hạn còn lại. Qua tương tác, vận động khiến sự vật phát triển, chuyển dạng này sang dạng khác. Cơ chế ấy cũng giải thích vận động là bản tính cố hữu. Quá trình diễn ra vô hạn, không điểm đầu và điểm cuối. Vận động tạo cảm giác sự vật này có thể sản sinh sự vật khác và, ngược lại. Như thế nó là nguyên nhân sinh thành cái khác và là nguyên nhân của chính nó khiến nó thành cái khác nó: “... nhưng chuyện không phải như vậy - thay vào đó, tồn tại sống tạo nên nguyên nhân khác để tồn tại, và khiến nó hiện hữu ở trạng thái nào đó”.

3.2.3. Quan niệm về con người từ góc độ bản thể luận

Goethe cho rằng mỗi người đều có thuộc tính tinh thần và vật chất. Chúng không tách rời nhưng không tan vào nhau. Tổng hòa hai bộ phận hữu cơ bộc lộ khi tồn tại người nhận thức thế giới. Theo Goethe, tri thức không thể nảy sinh nếu không đồng thời đánh thức hai thuộc tính của chủ thể. Kết quả của thao tác là sự vật hiện diện trong chủ thể, thực thể mang hai thuộc tính: “Chỉ khi cơ thể tinh thần và cơ thể vật chất của họ tự đặt mình trước các hiện tượng, lúc đó, chúng mới bộc lộ tồn tại bên trong của mình”. Quan điểm này có vẻ gần gũi với triết học duy vật biện chứng “luôn nhấn mạnh đến mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa con người với giới tự nhiên”.

Đáng chú ý, người không phải là cá nhân thụ động trong quan hệ với thượng đế và giới tự nhiên như sẽ thấy rõ hơn ở tiểu mục sau đây, mà là thực thể cụ thể, tự quyết số phận của mình. Bản thể luận của Goethe trong quan niệm về người là không có tự do tuyệt đối. Tồn tại người nằm trong quan hệ tùy thuộc với các tồn tại khác.

3.3. Nhận thức luận của triết học Goethe

Goethe mở đầu lý luận nhận thức từ quan sát tự nhiên, đúng như quan điểm của thời đại vàng son nhưng không hẳn vậy. Trong *On granite* (Về Đá Hoa cương, 1784), ông “rời khỏi lĩnh vực quan sát thông thường của tôi” xuất phát từ bí ẩn đầy mê hoặc của tự nhiên. Đối mặt với “sự yên lặng hùng vĩ bao quanh khi chúng ta đứng trong đơn độc và tĩnh lặng của thiên nhiên, bao la và hùng hồn bằng chất giọng tịch mịch của nó”, ông lập ngôn: “Tôi đã chịu đựng và tiếp tục chịu đựng nhiều đau khổ vì tính không nhất quán trong quan điểm của mọi người, vì các thay đổi đột ngột trong tôi và những người khác”. Đây thực chất là lập ngôn của cái tôi trước cái tất yếu, khác hẳn quan điểm của thời đại vàng son. Nó, xác lập vị thế cá nhân, xuyên suốt lý luận nhận thức tự nhiên và lý luận về cá nhân - nhận thức tự nhiên qua tồn tại người.

3.3.1. Chủ nghĩa tự nhiên trong nhận thức luận

3.3.1.1. Quan niệm tự nhiên từ góc độ nhận thức

Chủ nghĩa tự nhiên, trong luận án, được hiểu là triết học tự nhiên, sẽ phân tích suy xét của Goethe về các vấn đề tồn tại của tự nhiên gắn với ý niệm và tồn tại người. Ông nghiên cứu bản thể tự nhiên với ba thành phần trong khung cảnh tự nhiên, từ đó, đưa ra quan niệm tổng quát về tự nhiên và quan hệ giữa người với tự nhiên. Quan niệm như thế không thể tìm thấy ở bất cứ nhà tư tưởng nào ở thời đại vàng son.

3.3.1.2. Đặc điểm của nhận thức tự nhiên

Tri thức về giới tự nhiên, chủ nghĩa tự nhiên trong quan niệm của Goethe cho rằng, (i) là kết quả nhận thức tự nhiên như chỉnh thể thay vì hệ thống, (ii) và là tri thức về cái vô hạn nhờ khám phá vô hạn các trạng thái hữu hạn của tự nhiên.

Tóm lại, khi chủ nghĩa tự nhiên sa đà các bộ phận rời rạc, thiết bị đo lên ngôi. Nhiều trường hợp, chúng soán ngôi cá nhân nhà khoa học và quyết định mọi phán xét. Ngược lại, Goethe thấy vận động của sự vật - hình thành, phát triển, hoại diệt - không đơn tuyến và một chiều. Vận động là vận trù của vô hạn và tâm trí có thể nắm bắt qua biểu hiện hữu hạn. Tăng trưởng trong vận động được tâm trí nắm bắt qua ý niệm và sự vật. Vận động của các bản nguyên ấy chỉ xảy ra khi có hiện diện của tồn tại người, can thiệp của cái chủ quan. Nhận thức luận của Goethe, vì thế, mang dấu ấn chủ nghĩa chủ quan nhưng khác hẳn George Berkeley (1685 - 1753) hay David Hume (1711 - 1776).

3.3.2. Chủ nghĩa cá nhân trong nhận thức luận

Gắn với chủ nghĩa tự nhiên là chủ nghĩa cá nhân. Chúng tôi xem nó như bộ phận cấu thành vấn đề nhận thức trong triết học Goethe vì các luận điểm cơ bản của Goethe trong nhận thức tự nhiên, về cơ bản, nghiệm đúng khi ông khảo luận về cá nhân. Với ông, xuất phát từ quan điểm bản thể luận, nhận thức cá nhân là nhận thức tự nhiên qua tồn tại người và, ngược lại. Bởi thế, bên cạnh tuân thủ nội dung chung về chủ nghĩa cá nhân được thừa nhận rộng rãi (lập trường đạo đức, triết lý chính trị, hệ tư tưởng, và quan điểm xã hội nhấn mạnh giá trị nội tại của cá nhân [168, tr.6], tiểu mục này sẽ mở rộng nội hàm của nó. Nghĩa là, từ quan niệm của Goethe về vấn đề cá nhân, chúng tôi sẽ phân tích

quan niệm của ông về cá nhân trong tương quan giữa tồn tại người với tự nhiên được cấu bởi sự vật cảm tính, ý niệm, và tồn tại người. Với lẽ ấy, tiêu mục nhỏ đầu tiên sẽ bàn về “chủ nghĩa chủ quan”, như bằng chứng nữa về khác biệt với tư tưởng thời vàng son.

3.3.2.1. *Chủ nghĩa chủ quan trong nhận thức luận*

3.3.2.2. *Chủ nghĩa tự do trong nhận thức luận*

3.4. Cấu trúc của tư tưởng triết học Goethe

Luận án phân tích cấu trúc triết học Goethe thành 2 lĩnh vực lớn là: 1) triết học tự nhiên và 2) nhân bản học và triết học thẩm mỹ.

3.4.1. *Triết học tự nhiên*

3.4.2. *Nhân bản học và triết học thẩm mỹ*

3.4.2.1. *Nhân bản học*

3.4.2.2. *Thẩm mỹ học*

Tiểu kết Chương 3

Chương 3 mượn khái niệm *thái độ tổng quát trong xã hội* (a general attitude in society) của Wilhelm Dilthey để triển khai nghiên cứu triết học Goethe. Ở chương này, *thái độ tổng quát* theo nghĩa rộng được hiểu là tổng thể thái độ hài hòa trong sáng tác, nghiên cứu, và hoạt động thực tiễn; còn theo nghĩa hẹp, nó thể hiện thái độ của Goethe về tồn tại người trong quan hệ với tự nhiên và xã hội, ở đó, cá nhân được đảm bảo các quyền cơ bản về tự do, hài hòa với mọi thực thể thực tồn, và không bị cuốn vào bạo lực. Trên tinh thần ấy, nhằm bộc lộ *thái độ tổng quát* của Goethe trong bối cảnh *thái độ tổng quát* của lịch sử triết học nói chung, chúng tôi đã trình bày nội dung triết học Goethe như hệ thống theo cách hiểu thông thường. Như đã đề cập, dù Goethe không triển khai, chúng tôi vẫn thử vẽ nên bức tranh tư tưởng của ông theo các trình tự truyền thống, từ bản chất, đối tượng, nhiệm vụ, đặc trưng, đến các vấn đề về bản thể luận và nhận thức luận, thậm chí, về cấu trúc của triết học. Toàn bộ *thái độ tổng quát* dựa trên nguyên liệu của Goethe. Hơn nữa, chỉ có thể chứng minh ông là nhà triết học chừng nào chứng minh tư tưởng ông chứa đầy đủ các yếu tố cơ bản của học thuyết và lịch sử triết học.

Chương 3 cũng triển khai cấu trúc triết học Goethe, tiếp tục nhấn mạnh tính hệ thống của nó dù, như lưu ý nhiều lần, ông chưa bao giờ bàn về hệ thống. Cấu trúc đó gồm triết học về tự nhiên (các học thuyết về phân cực, hình thái, màu sắc) và quan niệm về nhân bản học – nhân cách nhị nguyên khác cơ bản Nhân văn Phục Hưng, thẩm mỹ học.

CHƯƠNG 4

Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC GOETHE

ĐỐI VỚI XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

4.1. Ý nghĩa tư tưởng triết học của Goethe trong lịch sử triết học

22 tác phẩm của Goethe, được luận án trực tiếp khảo sát, tràn đầy tư tưởng triết học cấp tiến không chỉ ở thời đại ông. Công hiến của ông cho lịch sử triết học,

thể hiện trên bốn khía cạnh cơ bản: (i) tư tưởng chống thần học Cơ Đốc, chống phong kiến, chống chủ nghĩa giáo điều, và chống phân ly quốc gia; (ii) tư tưởng duy vật về nguồn gốc thế giới và biện chứng về phát triển và hành động; (iii) tư tưởng về khả năng nhận thức thế giới; (iv) và tư tưởng hiện thực về mỹ học. Cụ thể:

4.1.1. Tư tưởng chống thần học Cơ Đốc, chống phong kiến, và chống giáo điều

4.1.1.1. Tư tưởng chống thần học Cơ Đốc Giáo

Ý nghĩa nổi bật trong triết học của Goethe thể hiện ở tư tưởng chống thần học Cơ Đốc, chống phong kiến và chống giáo điều. Nhưng có thể khiên cưỡng khi cho rằng ông chống cả chủ nghĩa kinh viện như tiếp cận của một số học giả.

Goethe chống chủ nghĩa độc thần, phủ nhận Chúa như đấng toàn năng sáng tạo, cố sùu hoài nghi tôn giáo trên cơ sở kêu gọi tinh thần duy vật mềm dẻo. Tuy nhiên, không có bằng chứng cho thấy ông bác bỏ tư tưởng biện chứng của chủ nghĩa kinh viện. Đương nhiên, khi phủ nhận thần học Cơ Đốc, phủ nhận phong kiến và phủ nhận giáo điều với ông là khó tránh khỏi.

4.1.1.2. Tư tưởng chống phong kiến

Goethe chống phong kiến vừa phải chứ không dữ dội như một số tài liệu đề cập và đây cũng là cách thức của nhà nước Đức. Ở thời đại Chủ nghĩa Chuyên chế Khai Sáng thịnh hành, cải cách hiến pháp chỉ đưa vào một số điều luật hạn chế quyền lực phong kiến, chẳng hạn, kiểm soát các lãnh chúa khi mua bán công thổ, và chỉ có vậy. Riêng Goethe còn tham khảo mô hình *ché độ cũ* của phong kiến Pháp khi vận dụng mô hình cứng nhắc của Khai Sáng vào điều hành triều đình ở Weimar.

4.1.1.3. Tư tưởng chống giáo điều

Chống phong kiến vừa phải nhưng Goethe phủ định giáo điều nhiệt thành. Ông cự tuyệt mọi luận điểm công nhận mà không chứng minh nhưng vẫn xem như chân lý bất di bất dịch. Ông phản đối tiếp thu mù quáng luận điểm nào đấy tựa như tin đồ hấp thụ tin điều tuyệt đối. Thực hiện nhiệm vụ này, ông làm một việc hiếm có: đề cao tồn tại người, đặt nó vào trung tâm bản thể luận về các bộ phận cấu thành thế giới cũng như quá trình nhận thức thế giới. Tồn tại người, ở vị trí ấy, cự tuyệt mọi luận điểm mà không phê phán, không chú ý đến các điều kiện ứng dụng, và không có chỗ để có thể nghi vấn.

4.1.2. Tư tưởng duy vật về nguồn gốc thế giới và biện chứng về hành động

4.1.2.1. Tư tưởng duy vật về nguồn gốc thế giới

Mục bản thể luận ở Chương 2 đã phân tích quan niệm của Goethe coi thế giới được cấu bởi ba khởi nguyên, sự vật-ý niệm-tồn tại người, và tư tưởng này có khuynh hướng duy vật. Với thế giới vô hạn mà tư duy hữu hạn không bao quát được, ông xác quyết đây là thế giới sự vật không do ai sáng tạo. Với thế giới hữu hạn, biên giới của nó được tư duy mở rộng cùng quá trình tiến hóa của nhân loại, ông kiên định nó có nguồn gốc vật chất. Nhưng để đề cao vai trò cá nhân, ông đặt tồn tại người vào vị trí trung tâm quá trình nhận thức. Điều ấy không có nghĩa ông phủ nhận vai trò quyết định của vật chất, dù bộ ba phạm trù, thượng đế-tự nhiên-người, hình thành trên lập trường siêu hình. Chúng, tam thế thật hữu,

là thể thống nhất bất biến, cái nọ có trong cái kia, không khiến cái kia tan biến. Thượng đế siêu hình dường như giúp làm rõ hơn vai trò chủ thể. Luận chứng về thượng đế, vì thế, là luận chứng tương tác giữa cái phản ánh và được phản ánh.

4.1.2.2. *Tư tưởng biện chứng về hành động*

Quan niệm hành động là nguyên nhân và kết quả của phát triển trở thành tư tưởng xuyên suốt của Goethe không chỉ trong tự nhiên mà cả xã hội. Về xã hội, kịch *Goetz von Berlichingen với Tay sắt* (1779) được xem như điển hình vận động của lịch sử, vừa là nguyên nhân vừa là kết quả chuyển dịch từ xã hội cũ sang xã hội mới. Như thể hiện ở các chương trước, kịch dựa trên diễn biến có thật của Hoàng đế Maximilian Đệ Nhất (Maximilian I, 1459 – 1519) ở giai đoạn giao thời từ Trung Cổ sang Phục Hưng. Ở thời khoảng chuyển pha, khác biệt đầu tiên là ông không được giáo hoàng phong vương, do dân chúng Venice bao vây, không cho ông đến Rome, kinh đô của Chúa Giáo. Ông thực hiện một hành động gần như đánh dấu cho xuất hiện thời đại mới. Phá vỡ xiềng xích, ông tự phong mình làm hoàng đế và bảo được (triều đình) bầu. Truyền thống nghìn năm đăng quang dưới chủ trì của giáo hoàng bị phá vỡ. Các nhà sử học xem ông vừa như *Der Letzte Ritter* (Hiệp sĩ Cuối cùng) của Trung Cổ vừa đại diện cho cái mới, cái mới biện chứng chứ không hấn sáng lòa, vượt bỏ tuyến tính cái cũ dưới mũ Phục Hưng. Thực tế thời đại vàng son có thể rõ hơn khi khảo sát ông, nhân vật điển hình bấy giờ.

4.1.3. *Tư tưởng về khả năng nhận thức thế giới*

Từ Chương 2, dưới đây, chúng tôi nêu ý nghĩa của triết học Goethe trong việc cổ súy quan niệm về khả năng nhận thức thế giới trên hai tiếp cận: (i) coi chủ thể là tồn tại người, trung tâm của các bộ phận cấu thành thế giới được nhận thức; và (ii) coi tự nhiên hữu hạn được mở rộng vô hạn bởi khả năng đi sâu vô hạn của tư duy vào thế giới hữu hạn vốn là biểu hiện nhìn thấy của giới tự nhiên vô hạn.

4.1.3.2. *Tư tưởng khả năng nhận thức thế giới qua quan niệm về tồn tại người*

4.1.3.3. *Tư tưởng về khả năng nhận thức thế giới qua quan niệm về tự nhiên*

4.1.4. *Tư tưởng hiện thực về mỹ học*

Mỹ học Mác-Lênin nghiên cứu quan hệ thẩm mỹ giữa người và hiện thực, xem “cái đẹp là trung tâm, nghệ thuật là đỉnh cao của quan hệ ấy”. Theo Baumgarten - hơn Goethe 35 tuổi và đề xuất tiếp cận mới mang tính cách mạng về mỹ học - mỹ học hay khoa học thẩm mỹ là quá trình suy diễn các quy luật hay quy tắc của vẻ đẹp tự nhiên hay vẻ đẹp nghệ thuật từ thị hiếu cá nhân, dựa trên cảm giác hài lòng hoặc không hài lòng, thay vì dựa trên hiểu biết thuần túy. Còn Goethe chỉ ra tính hiện thực trong suy diễn về đẹp tự nhiên hay vẻ đẹp nghệ thuật từ thị hiếu cá nhân, gồm cả hai mặt đối lập hài lòng và không hài lòng. Đây là đóng góp nổi bật của ông cho mỹ học.

4.1.4.2. *Nghệ thuật là đỉnh cao thế giới quan*

4.1.4.3. *Nghệ thuật là biểu hiện cao nhất quan hệ chủ thể và khách thể*

4.2. **Ý nghĩa tư tưởng triết học của Goethe trong xã hội đương đại**

4.2.1. Ý nghĩa tư tưởng triết học Goethe trong xã hội đương đại nói chung

Marcel Proust (1871–1922) chọn Goethe là “trí thông minh vĩ đại nhất từng tồn tại”; các thành tựu của ông khiến triết gia Friedrich Nietzsche (1844–1900) gọi ông là “toàn bộ nền văn hóa”. Các nhà phê bình bảo thủ cũng thừa nhận tinh thần tự do cá nhân Goethe theo đuổi dù họ chê hình thức thể hiện như “lối diễn kịch rách rưới”. Vua Phổ Friedrich Đệ Nhị phê phán kịch *Götz von Berlichingen* “bắt chước ghê tởm các vở kịch tồi tệ của người Anh”, nhưng ông không truy vấn Goethe kêu gọi giải phóng cá nhân khỏi xiềng xích hiện hành, cái phạm hủ trong kỳ nguyên vàng son.

Các nghiên cứu mới nhất đều thừa nhận dấu ấn của ông lên xã hội Đức. Theo **Jeremy Adler** trong tác phẩm *Goethe* xuất bản năm 2020, ngay cả “chính trị Đức cũng ngoảnh nhìn về Goethe”. Nền dân chủ thành công đầu tiên của Đức, Cộng hòa Weimar, xuất hiện ở Weimar sau Thế chiến Thứ nhất, ngày 11 tháng 8 năm 1919. Nơi từng là tiểu quốc được chọn chủ yếu do yếu tố địa chính trị “nhưng có lẽ còn nhằm vinh danh Goethe và Schiller” nếu biết Goethe “gắn bó chặt chẽ với các ý tưởng của nền cộng hòa”. Các trí thức có tên tuổi như Wolfgang Frommel (1902–1986), Ernst Robert Curtius (1886–1956), và Thomas Mann (1875 -1955) đều viện dẫn ông trong cuộc đấu tranh chống Chủ nghĩa Phát xít (Facism).

Nhiều người nhận thấy ông giúp triều đình Weimar thực hiện một số cải cách, trong đó có chuyển đổi mô hình quản trị chuyển tiếp từ phong kiến sang tư bản mà không làm rối loạn xã hội. Tại kỷ niệm hiến pháp ngày 11 tháng 8 năm 1932 (trước kỷ niệm 100 năm Goethe qua đời), nhà báo Werner Thormann (1894–1947) gợi lại tư tưởng của Goethe truyền cảm hứng cho quá trình biên soạn Hiến pháp Weimar [183, tr.126]. Dù người ta từng cho rằng Đức Quốc xã ít sử dụng Goethe, có vẻ Đệ Tam Đế Chế¹ đã cố làm sai lệch quan điểm của Goethe ở quy mô lớn [165]. Sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai, các trí thức hàng đầu như triết gia Karl Jaspers (1883–1969), nhà cổ điển Wolfgang Schädewaldt (1900–1974) và chính trị gia Carlo Schmid (1896–1974), bác bỏ bóp méo này. Họ tìm cách thực hiện niềm tin của ông - tự do và tự học, lòng khoan dung và tính xã hội. Jeremy Adler thậm chí xem chủ nghĩa nhân văn Goethe như tôn giáo, gọi nó là “tôn giáo nhân văn” trong bài báo về tầm quan trọng khái niệm nhân phẩm của Goethe với Tuyên ngôn Phổ quát về Nhân quyền và Luật Cơ bản của Đức: “Tôn giáo nhân văn của ông đã góp phần tạo hướng đi tích cực cho chính thể mới của Đức, đặc biệt, bằng cách giúp hình thành Luật Cơ bản của Đức”.

4.2.2. Ý nghĩa tư tưởng triết học Goethe trong xã hội Việt Nam đương đại

Theo *Báo cáo Chính trị* tại Đại hội Đại biểu Toàn quốc Lần thứ XIII của Đảng (26/1 - 2/2/2021), thế giới trải đang qua biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo: “Các nước đang phát triển, nhất là các

¹ Đức thời 1933 – 1945 chịu kiểm soát của chế độ độc tài toàn trị của Adolf Hitler và Đảng Quốc xã (NSDAP)

nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới”. Tại Việt Nam, đôi mươi sau 35 năm “tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn cần phải tập trung giải quyết”. Nổi bật trong số đó là kinh tế, lĩnh vực “phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém”.

Tham khảo vận dụng tư tưởng của Goethe vào hoàn cảnh xã hội Việt Nam là cần thiết, nhất là khi chúng ta “tiếp nhận tinh hoa văn hoá nhân loại có mặt còn hạn chế” và đòi hỏi kịp thời “nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng”. Điều đó có nghĩa không thể thỏa mãn với những tri thức đã có khi nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng. Năm năm tới, “Việt Nam hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn và sẽ phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”. Giữa lúc hầu như khó ai “có thể nghi ngờ đóng góp của tư tưởng chủ nghĩa nhân đạo toàn cầu của Goethe cho xã hội tự do thời hiện đại”, tham khảo tư tưởng Goethe càng có ý nghĩa nếu biết hầu hết các hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia đều xảy ra ở môi trường địa chính trị Âu-Mỹ, nơi ông thuộc hàng những vì sao văn hóa sáng nhất.

Vậy tư tưởng nào của Goethe có thể tham khảo và vận dụng?

Thứ nhất, tư tưởng tự do, hài hòa, và đàn hồi: tự do phát huy năng lực cá nhân của mỗi người khám phá thiên nhiên trong tâm thế hài hòa, hạn chế gây tổn thương thiên nhiên một cách cố ý, kéo dài, và bảo thủ; tự do đích thực cho mỗi cá nhân. xã hội đàn hồi giữa các lợi ích, các ý kiến, không phân biệt địa vị kinh tế và chính trị.

Thứ hai, tin tưởng sức mạnh văn hóa nghệ thuật, vốn dĩ là biểu hiện khác của sức mạnh vật chất, mạnh dạn sử dụng chúng vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội thay vì chỉ giới hạn ở lĩnh vực tinh thần thuần túy. Giá trị vật chất của nghệ thuật trong quan niệm của Goethe không chỉ về phương diện lý luận. Triết học Goethe, xét đến cùng, là triết học về nghệ thuật, nghệ thuật nhận thức. Giá trị tri thức triết học từ góc độ nghệ thuật, góc độ đạo đức về thế giới vật chất, không những hợp quy luật, mà còn gắn với nhân văn, nhân đạo. Giá trị vật chất của nghệ thuật trong quan niệm của Goethe còn hữu hình: góp phần xây dựng các cá nhân có phẩm giá trước bản thân và tha nhân. Nếu thừa nhận “tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”, tăng “đầu tư cho phát triển văn hóa” và khấn trương triển khai phát triển có trọng tâm trọng điểm “ngành công nghiệp văn hoá và dịch vụ văn hoá” [10, tr. 145] dường như chưa đủ nếu không muốn nói dễ tầm thường hóa văn hóa. Kinh tế hóa văn hóa nhất thiết phải song hành, thậm chí đề cao hơn, chiến lược tiếp thu tinh hoa phi vật thể nhân loại, biểu hiện mặt tinh thần của vật chất, mà tư tưởng của Goethe là ví dụ.

Tiêu đề chung của Báo cáo Chính trị lần đầu tiên có dòng “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước”. Báo cáo nhận định “phát triển toàn diện con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội” [10, tr. 57], trong bối cảnh “chưa tạo được chuyển biến căn bản về mô

hình tăng trưởng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao" [10, tr. 80], bối cảnh rút ra bài học kinh nghiệm coi “nhân dân là trung tâm” [10, tr. 96], và lần đầu tiên thêm cụm từ “phát triển con người” [10, tr. 136] vào tiêu đề bàn về giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để thực hiện định hướng trên, sẽ hữu ích nếu có hẳn chính sách khuyến khích mỗi cá nhân bớt chút thì giờ bận bịu tìm hiểu tư tưởng tự do, hài hòa, và đàn hồi của Goethe, tìm hiểu vì sao lịch sử chính trị Đức nửa đầu thế kỷ 20 vinh danh ông ít nhất hai lần: lần thứ nhất, “tên của Goethe được viện dẫn năm 1919 khi Hiến pháp Cộng hòa Weimar được phê chuẩn và tổng thống đầu tiên được bầu”; lần thứ hai, tên ông “lại được nhắc đến năm 1949 khi hai nhà nước sĐức thành lập suốt chiến tranh lạnh và cả hai đều thể hiện di sản của ông trên phía mặt tường của mình của bức màn sắt” [74, tr.131]. Trong bối cảnh “toàn cầu hóa và tiếp biến văn hóa toàn cầu, chủ nghĩa biệt lập đã trở thành dĩ vãng... các dân tộc đều nhận thức được thực tế đó và đều tích cực hội nhập vào dòng chảy chung của lịch như nhân loại”, ở đó, “Việt Nam không phải là ngoại lệ” [24, tr. 57]. Cũng có thể nói như vậy khi đặt vấn đề tiếp nhận và cải biến tư tưởng Goethe.

Tiểu kết Chương 4

Chương này chủ yếu làm rõ ý nghĩa của tư tưởng triết học Goethe trong lịch sử triết học bên cạnh chỉ ra ý nghĩa của nó trong xã hội đương đại. Với lịch sử triết học, chúng tôi phân tích đóng góp của triết học Goethe trên bốn khía cạnh cơ bản: (i) tư tưởng chống thần học Cơ Đốc, chống phong kiến, chống chủ nghĩa giáo điều, và chống phân ly quốc gia; (ii) tư tưởng duy vật về nguồn gốc thế giới và biện chứng về phát triển và hành động; (iii) tư tưởng về khả năng nhận thức thế giới; (iv) và tư tưởng hiện thực về mỹ học.

Trong bối cảnh xã hội đương đại, bao gồm cả Việt Nam, tư tưởng tự do, hài hòa, và đàn hồi, tư tưởng tin vào sức mạnh của văn hóa nghệ thuật của Goethe có ý nghĩa thời sự hơn bao giờ hết.

KẾT LUẬN

Từ các nghiên cứu liên quan 22 sáng tác của Goethe, luận án đã tìm hiểu ý đồ triết học của ông qua hai tiếp cận: (i) quan điểm gắn hai thực thể - tinh thần và vật chất – với nhau khi suy xét tự nhiên, xã hội, và tư duy; (ii) vận dụng siêu hình học và triết học tự nhiên, xác lập quan hệ giữa chúng. Luận án bước đầu chỉ ra cách ông hướng tới nắm bản chất sự vật như chính thể, trên quan niệm thống nhất hai phương pháp - kinh nghiệm của khoa học và siêu hình của tư biện - điều ít nhà tư tưởng đương thời thực hiện. Từ đó, luận án tìm hiểu cách ông triển khai các quá trình đối lập - tổng hợp và quy nạp, phân tích và diễn dịch, v.v... - khi kết hợp siêu hình học với khoa học tự nhiên. Sản phẩm điển hình ông tạo dựng là *urphänomen* (hiện tượng khởi thủy) hay *urpflanze* (cây khởi thủy). Chúng hiện diện khắp nơi, trong các công trình về thực vật, ánh sáng, trong các sáng tác thi ca, văn học. Toàn bộ quá trình được soi sáng bởi “thái độ tổng quát trong xã hội” của ông. Thái độ ấy vừa dẫn tới vừa là kết quả của tư tưởng ôn hòa, tự do cho tất cả, cho khát vọng và hành động cá nhân. Thái độ ấy không trái với quy luật của lịch sử Đức, có thể gợi ý khả năng áp dụng và kế thừa vào hoàn cảnh đời sống xã hội, tinh thần đương đại. Tại Việt Nam, tư tưởng hải hòa, đàn hồi, hạn chế xung đột xã hội, tàn phá thiên nhiên của ông thực sự đáng được quan tâm. Để thực hiện toàn bộ nội dung ấy, chúng tôi đã:

Thứ nhất, phân tích điều kiện ra đời và quá trình phát triển tư tưởng triết học của Goethe. Châu Âu và Đức thế kỷ 17-18 là khoảng thời gian của dòng lịch sử chủ lưu, Thời đại Khai Sáng. Mặt tích cực của Khai Sáng thể hiện ở loạt ý tưởng theo đuổi hạnh phúc; chủ quyền lý tính, coi bằng chứng thu từ giác quan như nguồn cơ bản của tri thức; các lý tưởng tự do, tiến bộ, khoan dung, tình huynh đệ; chính phủ hợp hiến, và tách biệt nhà thờ khỏi nhà nước. Khai Sáng truyền cảm hứng cho Cách mạng Pháp nhưng để lại hậu quả nặng nề vào các năm cuối của nền cộng hòa tư sản đầu tiên. Khai Sáng tại Đức dị ứng bạo lực, được vận dụng cho loạt cải cách trong tư tưởng và xã hội theo hướng ôn hòa. Nổi bật xu hướng né bạo lực thể hiện ở tiểu luận của Kant khi nó trực diện với Khai Sáng. Tiểu luận gây tiếng vang toàn quốc và, đương nhiên, ảnh hưởng mạnh đến Goethe. Xã hội Đức đến năm 1800 hầu như không có gì thích hợp với bất cứ kiểu phát triển công nghiệp quy mô nào. Tuy thế, hạn chế cả hai lực lượng kinh tế, địa chủ phong kiến và thương gia mới nổi, có vẻ hợp lý, xuất phát từ bài học cải cách triệt để của các nước láng giềng theo Khai Sáng. Biến bất lợi của kinh tế phong kiến thành điểm mạnh, những năm cuối đời của Goethe đã chứng kiến quê hương ông thực hiện cải cách nông nghiệp, điều mà các nước công nghiệp đi trước xem thường. Đức đi nhanh hơn tất cả các nước Châu Âu sau chưa đầy thế kỷ kể từ Cách mạng Pháp. Bên cạnh đấy, kinh tế Đức bứt phá vững chắc, phần không nhỏ, có lẽ nhờ cấu trúc xã hội tương đối ổn định và cởi mở hơn nhiều nước tư bản đi trước, v.v... Nhìn chung, bức tranh Châu Âu và Đức thời Khai Sáng đã đặt nền móng cho tư tưởng Goethe về ôn hòa, đề cao kỹ trị, tự do cho tất cả và, nhất là, cổ súy trung dung, tránh xa bạo

lực. Tư tưởng của ông mang tầm thời đại tới mức giới chính trị Đức không quên ông (và Schiller) mỗi khi điểm lại lịch sử Cộng hòa Weimar, nền dân chủ đầu tiên ở Đức.

Thứ hai, từ các tiền đề trên, luận án đã triển khai *thái độ tổng quát trong xã hội* của Goethe, dựa trên nguyên liệu sẵn có của bản thân ông nhưng vẫn chứa đầy đủ các yếu tố cơ bản của tư tưởng hay học thuyết triết học. Qua các phát biểu theo nhiều cách khác nhau, đúng hơn, theo cách của riêng mình, ông dường như quan niệm bản chất triết học là tổng thể tri thức (theo nghĩa rộng), các lĩnh vực của đời sống tinh thần và sinh hoạt vật chất, hoặc siêu hình học (theo nghĩa hẹp). Siêu hình học cũng là đối tượng triết học của ông. Sản phẩm siêu hình điển hình, *urpflanze* (cây khởi thủy), được ông triển khai trong mọi nghiên cứu khoa học, nghệ thuật, và triết học. Từ quan niệm về bản chất và đối tượng triết học, ông tiến tới xây dựng quan niệm bản thể luận về thế giới được nhận thức cấu bởi ba thành tố: thượng đế, giới tự nhiên, và tồn tại người.

Một số nghiên cứu gần đây ở Việt Nam không chỉ thừa nhận “Goethe chiếm giữ vị trí quan trọng trong lịch sử triết học và văn hóa Đức” [8, tr. 365] mà còn xem ông là “một trong những bậc thầy tinh thần của nhân loại” [12, tr. 123], chúng tôi mạnh dạn đề xuất chọn ba nhà tư tưởng tiên phong thúc đẩy tư duy khái niệm phương tây theo trình tự thời gian: Plato, Kant, và Goethe. Họ có vẻ cấu thành tam đoạn thức hoàn chỉnh: Plato nêu chính đề bằng tư tưởng ý niệm để tìm trả lời cho câu hỏi tri thức đích thực là gì và làm thế nào tri thức trở nên có giá trị cho chủ thể; Kant nêu phản đề bằng chất vấn đâu là các điều kiện để có thể xác định ý niệm là tri thức đích thực cho chủ thể; và Goethe thực hiện hợp đề bằng đề xuất vai trò của tồn tại người trong thế giới ý niệm vốn có nguồn gốc từ thiên nhiên như là cơ sở để tìm kiếm tri thức đích thực.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Đặng Thị Mai (2021), *Vực thẳm giữa tư tưởng triết học Goethe với sùng bái tình thần và sùng bái bằng chứng*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, chuyên đề số 3-2021, tr 33-36.
2. Đặng Thị Mai (2021), *Tư tưởng triết học Goethe về cây khởi thủy*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, chuyên đề số 4-2021, tr 98-101.
3. Đặng Thị Mai (2022), *Chủ nghĩa chuyên chế khai sáng ở châu Âu thế kỷ 17-18*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, chuyên đề số 1-2022, tr 114-117.
4. Đặng Thị Mai (2022), *Đặc trưng cơ bản của triết học Goethe*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, chuyên đề số 2 (10-2022), tr 81-84
5. Đặng Thị Mai (2022), *Quan niệm về chính trị - xã hội của Johann Wolfgang Goethe*, Tạp chí Triết học. Số 11(378), Tháng 11 - 2022, tr 91-99